**PHÂN BIỆT THẨM QUYỀN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỚI THẨM QUYỀN TỐ TỤNG HÌNH SỰ CỦA NHỮNG NGƯỜI CÓ CHỨC DANH QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH CỦA TÒA ÁN**

Tuy các cơ quan quyền lực Nhà nước trong lĩnh vực lập pháp, tư pháp không thuộc hệ thống quản lý hành chính, nhưng trong cơ chế vận hành bộ máy của mình, công tác hành chính được thể hiện như: chế độ công vụ, quy chế công vụ, quy chế công chức, công tác tổ chức, cán bộ… Phần công tác hành chính của các cơ quan này cũng có những quy định và thực hiện thống nhất theo quy định của nền hành chính Nhà nước...

Tuy các cơ quan quyền lực Nhà nước trong lĩnh vực lập pháp, tư pháp không thuộc hệ thống quản lý hành chính, nhưng trong cơ chế vận hành bộ máy của mình, công tác hành chính được thể hiện như: chế độ công vụ, quy chế công vụ, quy chế công chức, công tác tổ chức, cán bộ… Phần công tác hành chính của các cơ quan này cũng có những quy định và thực hiện thống nhất theo quy định của nền hành chính Nhà nước.

Trong quản lý Nhà nước, bên cạnh quản lý hành chính Nhà nước như đã nêu, để thực thi quyền tư pháp của quyền lực Nhà nước theo các quy định của pháp luật tố tụng, cần phải có hệ thống tổ chức và cơ chế hoạt động của nó. Tổ chức thực thi quyền tư pháp ở nhiều nước là hệ thống Tòa án các cấp và một số nước có thêm hệ thống Viện kiểm sát. Bên cạnh xét xử và công tố là hoạt động cơ bản, chủ yếu của quyền tư pháp, còn có một loạt các hoạt động liên quan chặt chẽ và hỗ trợ cho xét xử, công tố, đó là Công chứng, giám định, luật sư… Khác với các cơ quan hành chính đơn thuần thì đối với hệ thống Tòa án nhân dân những người có chức danh quản lý hành chính không những chỉ có thẩm quyền quản lý hành chính Nhà nước mà còn có thẩm quyền tố tụng hình sự. Vậy sự khác nhau giữa thẩm quyền quản lý hành chính với thẩm quyền tố tụng hình sự của những người có chức danh quản lý hành chính trong hệ thống Tòa án ở Việt Nam thể hiện như thế nào? Muốn phân biệt hai loại thẩm quyền này, trước hết chúng ta cần tìm hiểu về khái niệm quản lý Hành chính Nhà nước.

**1. Khái niệm quản lý hành chính Nhà nước:**

            Trong quản lý Nhà nước, hoạt động quản lý hành chính là hoạt động đa dạng trung tâm, chủ yếu; vì hoạt động hành chính là hoạt động tổ chức và điều hành để thực hiện quyền lực Nhà nước trong quản lý xã hội. Tuy nhiên, quản lý hành chính Nhà nước có phạm vi hẹp hơn so với quản lý Nhà nước.

            Thứ nhất: quản lý hành chính Nhà nước là thực thi quyền hành pháp của Nhà nước tức là hoạt động chấp hành và điều hành.

            Thứ hai: chủ thể quản lý hành chính Nhà nước là các Cơ quan, cán bộ, công chức hành chính Nhà nước trong hệ thống Chính phủ từ Trung ương đến địa phương.

            Do đó, quản lý hành chính Nhà nước là hoạt động thực thi quyền hành pháp của Nhà nước, đó là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực pháp luật Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người, để duy trì và phát triển cao mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, do các cơ quan trong hệ thống Chính phủ từ Trung ương đến cơ sở tiến hành. thỏa mãn các nhu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

            Định nghĩa trên đã thể hiện ba nội dung quan trọng:

            + Sự hoạt động thực thi quyền hành pháp: Hành pháp là một trong ba quyền của quyền lực nhà nước thống nhất, mang tính quyền lực chính trị. Chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất (cơ quan chấp hành và điều hành của Quốc hội) thực hiện quyền hành pháp cao nhất đối với toàn dân, toàn xã hội

            Nhưng Chính phủ thực hiện chức năng của mình phải thông qua hệ thống thể chế hành chính của nền hành chính Nhà nước. Vì vậy, Chính phủ còn là cơ quan quản lý hành chính nhà nước cao nhất của Nhà nước.

            Quản lý hành chính nhà nước phục vụ chính trị bằng quyền hành pháp trong hành động (hành chính nhà nước).

            + Sự tác động có tổ chức và điều chỉnh: Tổ chức nói ở đây là tổ chức hành chính nhà nước, là sự thiết lập các mối quan hệ xã hội giữa con người, giữa các tập thể để thực hiện quản lý hành chính nhà nước. Trong quản lý hành chính nhà nước, chức năng tổ chức là quan trọng nhất, vì không có tổ chức thì không thể quản lý được. Nhà nước phải tổ chức như thế nào để hàng triệu con người của đất nước, mỗi người đều có vị trí tích cực đối với xã hội, đóng góp phần mình tạo ra lợi ích cho xã hội. Điều chỉnh là sự quy định về mặt pháp lý thể hiện bằng các quyết định quản lý về quy tắc, tiêu chuẩn, biện pháp… nhằm tạo sự phù hợp giữa chủ thể và khách thể quản lý, tạo sự cân bằng, cân đối các mặt hoạt động và hành vi hoạt động của con người.

            + Sự tác động bằng pháp luật và theo nguyên tắc pháp chế. Quyền lực nhà nước mang tính mệnh lệnh đơn phương và tính tổ chức cao. Pháp luật phải được chấp hành nghiêm chỉnh, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không cho phép bất cứ ai dựa vào quyền để làm trái pháp luật, phải nghiêm trị mọi sự vi phạm pháp luật.

            Xét về đặc điểm đặc thù của cơ quan hành chính Nhà nước chung nhất có những điểm khác với đặc điểm đặc thù của ngành Tòa án, điều đó thể hiện như:

            Các cơ quan hành chính Nhà nước được thành lập để thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, nghĩa là hoạt động chấp hành và điều hành. Hoạt động chấp hành và điều hành là hoạt động mang tính dưới luật, được tiến hành trên cơ sở Hiến pháp, luật, pháp lệnh và để thực hiện luật.

            Hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước mang tính thường xuyên, liên tục, và tương đối ổn định, là cầu nối trực tiếp nhất đưa đường lối chính sách, pháp luật vào cuộc sống. Thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước chỉ giới hạn trong phạm vi hoạt động chấp hành và điều hành. Thẩm quyền của cơ quan hành chính Nhà nước chủ yếu được quy định trong các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy Nhà nước hoặc trong những quy chế.

Còn hoạt động của cơ quan Tòa án khác với hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước, Hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước là đối tượng giám sát của Tòa án, thông qua hoạt động xét xử của những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, kinh tế, lao động và hành chính. Các cơ quan hành chính Nhà nước có nghĩa vụ, trách nhiệm xem xét và trả lời các yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án trong những trường hợp nhất định và trong thời gian do luật định. Ngược lại, các văn bản pháp luật của các cơ quan quản lý Nhà nước có thể là căn cứ pháp lý để Tòa án thực hiện hoạt động xét xử. Một số văn bản pháp luật của cơ quan hành chính Nhà nước trực tiếp điều chỉnh một số vấn đề về tổ chức nội bộ của Tòa án. Hoạt động của cơ quan Tòa án tuy cũng mang tính thường xuyên nhưng lại có tính lệ thuộc tùy theo từng giai đoạn phát triển nhất định của xã hội, và sự phối hợp của các cơ quan tố tụng khác như Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Bên cạnh giới hạn về thẩm quyền trong phạm vi hoạt động chấp hành và điều hành thì Tòa án còn có thẩm quyền trong tố tụng hình sự được áp dụng một cách rộng rãi đối với toàn xã hội. Do vậy, bên cạnh thẩm quyền quản lý hành chính đơn thuần thì đối với những người có chức danh quản lý của Tòa án còn có thẩm quyền tố tụng hình sự.

**2. Thẩm quyền quản lý hành chính của Chánh án, Phó chánh án, Chánh tòa, Phó chánh Tòa hình sự trong ngành Tòa án nhân dân.**

            Theo quy định tại Điều 127 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì: ***"Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa án khác do luật định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam…"***. Theo quy định, nhiệm vụ chính của Tòa án là xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động, kinh tế, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật. Với tính đặc thù của ngành Tòa án cũng như quy định về tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án thì ngoài thẩm quyền quản lý hành chính đơn thuần, những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án còn có thẩm quyền quản lý hành chính tư pháp . Vậy thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền quản lý hành chính tư pháp của những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án có gì khác biệt? Để làm rõ vấn đề này chúng tôi xin được phân tích như sau:

***2.1 Thẩm quyền quản lý hành chính đối với những người có chức danh trong ngành Tòa án nhân dân.***

Theo quy định tại Điều 2 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì hệ thống Tòa án nhân dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Các Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Các Tòa án quân sự; Các Tòa án khác do luật định. Cũng theo quy định tại Điều 25 của Luật tổ chức Tòa án thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có quyền hạn sau:

***"1. Tổ chức công tác xét xử của Tòa án nhân dân tối cao;***

***2. Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;***

***3. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án các cấp theo quy định của pháp luật tố tụng;***

***4. Trình Chủ tịch nước ý kiến của mình về trường hợp người bị kết án xin ân giảm án tử hình;***

***5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa chuyên trách, Vụ trưởng, Phó vụ trưởng và các chức vụ khác trong Tòa án nhân dân tối cao trừ Phó Chánh án, Thẩm phán;***

***6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán các Tòa án nhân dân địa phương, Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực;***

***7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án các Tòa án nhân dân địa phương… Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực…***

***8. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ của các Tòa án;***

***9. Báo cáo công tác của các Tòa án trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Chủ tịch nước;***

***10. Quy định bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự. Tổ chức kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí trong phạm vi trách nhiệm của ngành…***

***Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giúp Chánh án làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án. Khi Chánh án vắng mặt, một Phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác Tòa án."***

Cũng theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức Tòa án thì Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng có thẩm quyền như sau:

***a. Tổ chức công tác xét xử;***

***b. Chủ tọa các phiên họp của Ủy ban Thẩm phán;***

***c. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án cấp dưới theo quy định của pháp luật tố tụng;***

***d. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, cách chức Chánh tòa, Phó chánh tòa các Tòa chuyên trách và các chức vụ khác trong Tòa án cấp mình, trừ Phó chánh án, Thẩm phán;***

***đ. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ Tòa án cấp mình và cấp dưới;***

***e. Báo cáo công tác của các Tòa án địa phương trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và với Tòa án nhân dân tối cao;***

***g. Thực hiện các công tác khác theo quy định của pháp luật.***

***Phó chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giúp Chánh án làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án. Khi Chánh án vắng mặt, một Phó chánh án được Chánh án ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo công tác Tòa án địa phương. Phó chánh án chịu trách nhiệm trước Chánh án về nhiệm vụ được giao."***

Tại Điều 33 quy định Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền tổ chức công tác xét xử và các công tác khác theo quy định của pháp luật, báo cáo công tác của Tòa án mình trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và với Tòa án cấp trên trực tiếp.

Phó chánh án giúp Chánh án làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án và chịu trách nhiệm trước Chánh án về nhiệm vụ được giao.

Theo những quy định trên, thì thấy Thẩm quyền quản lý hành chính của những người có chức danh quản lý trong hệ thống Tòa án Việt Nam có quan hệ theo chiều dọc với các quy định thứ bậc chặt chẽ và theo hình tháp ngược. Trong lĩnh vực quản lý hành chính thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm về toàn bộ công tác tổ chức, điều hành toàn bộ bộ máy giúp việc trong Tòa án nhân dân tối cao cũng như tại các Tòa án địa phương. Đối với công tác xét xử là công tác trọng tâm của ngành thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao lãnh đạo Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tổ chức tốt công tác xét xử trong toàn ngành cũng như có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí trong phạm vi trách nhiệm của ngành.

Cũng theo quy định của luật tổ chức Tòa án thì chúng ta thấy thẩm quyền quản lý hành chính tập trung chủ yếu vào Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hoạt động của các Tòa án địa phương đều phải tuân thủ theo những quy định hành chính mà Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành. Về tổ chức, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng có những thẩm quyền trong phạm vi hẹp, trên một địa bàn nhất định. Đối với các Tòa án huyện, quận, thành phố thì thẩm quyền quản lý hành chính là hoàn toàn mờ nhạt vì ngoài việc tổ chức tốt công tác xét xử tại đơn vị và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân cùng cấp và với Tòa án cấp trên thì thẩm quyền quản lý hành chính cũng không có gì mở rộng hơn.

Trên thực tế hiện nay hoạt động của các Tòa án địa phương hoàn toàn phụ thuộc vào hoạt động cũng như các quy định của Tòa án nhân dân tối cao. Mặc dù luật tổ chức Tòa án đã có những quy định cụ thể nhưng trên thực tế thì Tòa án nhân dân tối cao lại có những quy định khác hạn chế thẩm quyền quản lý hành chính của Chánh án Tòa án địa phương như tại điểm d khoản 1 Điều 31 có quy định quyền hạn của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa các Tòa chuyên trách và các chức vụ khác trong Tòa án cấp mình trừ Phó chánh án, Thẩm phán. Tuy luật quy định rõ như vậy, nhưng hiện nay để bổ nhiệm Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa chuyên trách thì sau khi làm song các quy trình lấy phiếu tín nhiệm thì Chánh án lại phải làm văn bản đề nghị ra Tòa Tối cao và chỉ khi có sự đồng ý bằng cách ký nháy vào văn bản đề nghị thì Chánh án Tòa án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mới được ký ra quyết định bổ nhiệm. Theo chúng tôi quy định này nên bãi bỏ và để Chánh án các Tòa án tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền hạn của mình theo đúng quy định tại Điều 31 Luật tổ chức Tòa án. Chưa nói đến việc tuyển dụng hiện nay, khi mọi biên chế cán bộ viên chức đều do Tòa án nhân dân tối cao quy định và ấn định về số lượng, như vậy không sát với thực tế công việc của từng đơn vị, từng địa phương, dẫn đến trường hợp có những đơn vị quá tải về công việc song biên chế lại không có, phải tuyển theo dạng hợp đồng không bảo đảm được đời sống của cán bộ viên chức cũng như không phát huy được tiềm năng lao động của họ. Không phù hợp với quy định của Luật hành chính về viên chức, công chức.

***2.2. Thẩm quyền tố tụng hình sự của Chánh án, Phó Chánh án, Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa hình sự.***

Như đã phân tích thì hoạt động của Tòa án khác với hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước. Bởi lẽ Tòa án là cơ quan mang tính quyền lực Nhà nước, hoạt động xét xử của Tòa án là một dạng hoạt động Nhà nước. Khi xét xử Tòa án nhân danh Nhà nước đưa ra các quyết định dưới hình thức bản án có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bản án có ý nghĩa bắt buộc trên toàn lãnh thổ quốc gia đối với mọi tổ chức, cá nhân. Ngoài ra Tòa án còn đưa ra các quyết định bắt buộc các cơ quan tổ chức đề ra các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật. Không một cơ quan nào của Nhà nước có quy chế hoạt động được quy định nghiêm ngặt và chi tiết như quy chế Tòa án. Quy định hoạt động xét xử của Tòa án được quy định chặt chẽ trong các Bộ luật Tố tụng và các văn bản dưới luật. Trật tự tố tụng do luật định là quy tắc nghiêm ngặt, đòi hỏi mọi Tòa án, Thẩm phán tuân theo trong hoạt động xét xử. Chính vì vậy, đối với Chánh án, Phó Chánh án, những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án nhân dân ngoài những quyền quản lý hành chính đơn thuần ra còn có những thẩm quyền tố tụng hình sự. Thẩm quyền tố tụng hình sự đối với những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án được quy định cụ thể tại Điều 38 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Điều 38 Bộ luật tố tụng hình sự đã quy định:

***"1. Chánh án Tòa án có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:***

***a/ Tổ chức công tác xét xử của Tòa án;***

***b/ Quyết định phân công Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm giải quyết, xét xử vụ án hình sự; quyết định phân công Thư ký Tòa án tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự;***

***c/ Quyết định thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án trước khi mở phiên tòa;***

***d/ Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định của Bộ luật này;***

***đ/ Ra quyết định thi hành án hình sự;***

***e/ Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù;***

***g/ Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù;***

***h/ Quyết định xóa án tích;***

***i/ Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Tòa án;***

***Khi Chánh án Tòa án vắng mặt một phó Chánh án được Chánh án ủy nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án. Phó Chánh án phải chịu trách nhiệm trước Chánh án về nhiệm vụ được giao.***

***2. Khi tiến hành việc giải quyết vụ án hình sự, Chánh án Tòa án có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:***

***a/ Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp tạm giam; quyết định xử lý vật chứng;***

***b/ Quyết định chuyển vụ án;***

***c/ Cấp, thu hồi giấy chứng nhận người bào chữa; ra các quyết định và tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án.***

***3. Khi được phân công giải quyết, xét xử các vụ án hình sự, Phó Chánh án Tòa án có các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này…"***

Theo quy định trên đây thì thấy ngay cả những thẩm quyền tố tụng hình sự được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự cũng có những thẩm quyền như trong quản lý hành chính đơn thuần đối với những người có chức danh trong ngành Tòa án như thẩm quyền ***"tổ chức công tác xét xử",*** điều đó cũng nói lên đặc thù riêng biệt của ngành Tòa án, đối với những người có chức danh quản lý, đôi khi những thẩm quyền quản lý hành chính đơn thuần lại đồng thời là những thẩm quyền trong quản lý hành chính tư pháp. Khác với các cơ quan quản lý hành chính Nhà nước, khi thực hiện quyền lực , Tòa án không thể tự mình thay đổi hoặc bãi bỏ các quyết định do chính nó thông qua. Quyền thay đổi hoặc bãi bỏ các bản án chỉ phụ thuộc vào Tòa án ở cấp xét xử cao hơn và thực hiện quyền đó theo trật tự phúc thẩm, Giám đốc thẩm, Tái thẩm. Để thực hiện theo một trật tự như quy định của pháp luật thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có quyền kháng nghị các bản án, quyết định có hiệu lực của các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo trình tự Giám đốc thẩm hoặc Tái thẩm. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố có quyền kháng nghị các bản án và quyết định có hiệu lực pháp luật của các Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo trình tự Giám đốc thẩm hoặc Tái thẩm.

Ngoài ra theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì chỉ có Chánh án mới có quyền ra các quyết định thi hành án hoặc tạm hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền tố tụng hình sự và thẩm quyền quản lý hành chính trong luật tổ chức Tòa án nhân dân đối với những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án như đã nêu thì thấy sự khác nhau giữa hai thẩm quyền này được thể hiện như sau:

Đối với các thẩm quyền quản lý hành chính được thực hiện nhân danh Chính phủ còn Tòa án nhân danh Nhà nước để phán xét.

Trong các cơ quan quản lý hành chính đối với những người có chức danh danh quản lý hoạt động trong quan hệ trên dưới phụ thuộc, dưới sự lãnh đạo, điều hành từ một trung tâm - Chính phủ; còn Tòa án và những người có chức danh quản lý hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Quyết định và bản án của Tòa là quyết định cuối cùng, không bị xem xét lại bởi bất kỳ cơ quan nào, trừ khi có kháng nghị, kháng cáo thì mới được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

Các cơ quan quản lý hành chính làm việc trong mối quan hệ với hệ thống hành chính; còn Tòa án xét xử bị kiểm tra, giám sát từ nhiều phía.

Các cơ quan quản lý hành chính hoạt động nhằm đạt tới sự hợp lý của công việc, còn Tòa án đạt tới sự hợp pháp.

Các công chức quản lý hành chính hoạt động mang tính bí mật; còn các thẩm phán xét xử công khai, trừ những trường hợp phải xử kín theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của đương sự.

Công chức quản lý hành chính là nhà tổ chức điều hành; còn thẩm phán có chức năng phán xét tính đúng, sai của quyết định hành chính và các hành vi hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước, những người có chức danh quản lý.

Thực tế hiện nay, kể cả Luật tổ chức Tòa án nhân dân và những quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự thì thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tố tụng hình sự tập trung tất cả vào Chánh án Tòa án, còn các Phó chánh án luật cũng chỉ quy định một cách chung nhất và chỉ là sự hoạt động theo ủy quyền của Chánh án, nếu Chánh án không ủy quyền thì cũng không có vai trò gì trong việc thực hiện thẩm quyền quản lý hành chính hay thẩm quyền tố tụng hình sự. Trong thực tế, có nhiều địa phương do có sự không thống nhất giữa Chánh án và Phó chánh án, để vô hiệu hóa vai trò của Phó chánh án, Chánh án không hề ủy quyền cho Phó chánh án bất cứ công việc cụ thể nào, nhiều Phó chánh án thay vì phụ trách công tác chuyên môn lại được phân công làm công tác Đảng hoặc Công đoàn. Hơn nữa, kể cả trong Luật tổ chức Tòa án nhân dân và Bộ luật tố tụng hình sự cũng không có quy định về thẩm quyền quản lý hành chính hay thẩm quyền tố tụng hình sự đối với Chánh Tòa, Phó Chánh Tòa. Nên thực tế hiện nay các Chánh Tòa hay Phó Chánh Tòa chỉ là chức vụ mang tính hình thức, được hưởng phụ cấp trách nhiệm chứ thực quyền hầu như không có. Bởi lẽ, mọi hoạt động chuyên môn đều tuân theo luật định và chịu sự lãnh đạo của Ủy ban thẩm phán, đứng đầu là Chánh án, ngay cả việc phân công cán bộ trong một Tòa chuyên trách nhiều lúc cũng do Chánh án phân công chứ Chánh Tòa cũng không có quyền điều hành. Đây chính là những vấn đề bất cập đối với ngành Tòa án, một ngành mà vấn đề độc lập về chuyên môn luôn được đặt lên hàng đầu. Việc quy định về thẩm quyền quản lý hành chính cũng như thẩm quyền tố tụng đối với những người có chức danh quản lý trong ngành Tòa án một cách chung như vậy sẽ không bao giờ phát huy được nguyên tắc độc lập trong khi xét xử.

Để bảo đảm nguyên tắc khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Theo chúng tôi, Luật tổ chức Tòa án và Bộ luật tố tụng hình sự cần có những quy định cụ thể về thẩm quyền quản lý hành chính cũng như thẩm quyền tố tụng hình sự, cần có những quy định cụ thể về thẩm quyền của Chánh án, Phó Chánh án. Chánh án đương nhiên là người đứng đầu lãnh đạo chung nhất, song cũng cần có những quy định cụ thể về thẩm quyền của Phó chánh án trong việc quản lý hành chính cũng như thẩm quyền về tố tụng để bảo đảm được tính độc lập theo nguyên tắc của ngành Tòa án.

***2.3. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thẩm phán trong hoạt động tố tụng hình sự.***

Theo Điều 39 Bộ luật tố tụng hình sự thì nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được thể hiện như sau:

***a. Nghiên cứu hồ sơ trước khi mở phiên tòa;***

***b. Tham gia xét xử các vụ án hình sự;***

***c. Tiến hành các hoạt động tố tụng và biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử;***

***d. Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án Tòa án.***

***Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:***

***a. Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật này.***

***b. Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.***

***c. Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.***

***d. Quyết định triệu tập những người cần xét hỏi đến phiên tòa.***

***đ. Tiến hành các hoạt động tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo sự phân công của Chánh án.***

Theo những quy định trên thì thẩm quyền của Thẩm phán cũng chỉ là những thẩm quyền tố tụng hình sự, trong quá trình được phân công giải quyết vụ án, bất cứ Thẩm phán nào cũng không được làm trái những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Vấn đề đặt ra là trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, các Thẩm phán thực hiện thẩm quyền của mình như thế nào? có độc lập như quy định của pháp luật hay không?

Qua thực tiễn từ trước đến nay, chúng tôi thấy vai trò của Thẩm phán chưa được coi trọng, không thể hiện được tính độc lập còn bị ràng buộc nhiều vào sự quản lý của cấp ủy, Ủy ban thẩm phán. Mặc dù không hề có quy định nào bắt buộc, nhưng thành nếp từ trước tới nay các Thẩm phán khi quyết định về đường lối giải quyết vụ án đều phụ thuộc vào ý kiến của Ủy ban thẩm phán, hầu như các Thẩm phán đều không thể làm trái ý kiến của Ủy ban thẩm phán khi quyết định hình phạt. Dẫn đến không có tính độc lập trong khi xét xử, đây là một điều vô cùng bất cập và thiệt thòi cho các Thẩm phán Việt Nam khi so sánh với chế định Thẩm phán của các nước trên thế giới và trong khu vực cụ thể:

Về quyền lợi của Thẩm phán ở một số nước như Hàn Quốc, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức đều rất coi trọng quyền bất khả bãi miễn của Thẩm phán. Điều 64 Hiến pháp Đan mạch cũng quy định: ***"Thẩm phán được bảo đảm không bị người khác tác động, can thiệp đối với việc thi hành chức năng xét xử của mình và Thẩm phán được bảo đảm không bị thuyên chuyển hoặc cách chức khi không có vi phạm pháp luật nghiêm trọng…"***. Luật pháp Liên bang Nga cũng quy định Thẩm phán có quyền bất khả bãi miễn, bất khả xâm phạm, sự bất khả xâm phạm còn được mở rộng đến nơi ở, nơi làm việc, phương tiện làm việc…

Tóm lại: Những quy định về chế định Thẩm phán ở các nước đều thừa nhận vai trò và ý nghĩa quan trọng của việc phải xây dựng hệ thống tư pháp hoạt động hiệu quả và gọn nhẹ. Một bộ phận cốt lõi của hệ thống này là các cơ quan xét xử. Các cơ quan xét xử chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi có đội ngũ Thẩm phán giỏi, có năng lực, chuyên nghiệp, chí công vô tư và hoạt động độc lập theo đúng nghĩa của nó.

Trước những yêu cầu của cải cách tư pháp, mà Tòa án được coi là trung tâm của cải cách tư pháp thì cần phải có những giải pháp xây dựng và hoàn thiện pháp luật về chế định Thẩm phán. Cần chú trọng hơn nữa vào tiêu chuẩn của Thẩm phán khi bổ nhiệm, cần có quy định bổ nhiệm Thẩm phán một lần, không lên bổ nhiệm theo nhiệm kỳ như hiện nay. Cần chú trọng hơn nữa tới chế độ, chính sách đối với Thẩm phán cũng như chế độ bảo đảm cho Thẩm phán khi hoạt động chuyên môn.

Để tăng cường trách nhiệm và quyền hạn cho Thẩm phán theo tinh thần cải cách tư pháp, trước hết chúng ta cần xây dựng và cụ thể hóa những nguyên tắc được đưa ra tại Hội nghị lần thứ 7 của Liên hợp quốc tổ chức tại thành phố Milan (Italia) từ ngày 26/8 đến 6/9/1985 đó là: ***"các nguyên tắc cơ bản của độc lập xét xử đối với các cơ quan Tòa án trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm"*** Nội dung của các nguyên tắc đó là :

            Không được can thiệp bất hợp pháp và không đúng thẩm quyền vào quá trình xét xử và thông qua bản án;

            Nguyên tắc độc lập của cơ quan Tòa án, cho phép cơ quan Tòa án có quyền đòi hỏi sự xét xử công minh, chính nghĩa và bảo đảm quyền lợi của các bên;

            Mỗi Nhà nước thành viên có nghĩa vụ bảo đảm cho các cơ quan Tòa án các phương tiện cần thiết để thực hiện tốt công việc của mình;

            Trên cơ sở tuyên bố chung về quyền con người; các thành viên của cơ quan Tòa án cũng như mọi công dân khác cần sử dụng quyền tự do ngôn luận, tín ngưỡng, hội họp… Thẩm phán cần phải thực hiện nghiêm chỉnh nhằm bảo đảm sự kính trọng đối với chức vụ của mình và bảo đảm sự vô tư và độc lập của các cơ quan Tòa án;

            Những cá nhân được tuyển chọn vào chức vụ Thẩm phán cần phải có những phẩm chất đạo đức cao cả và được đào tạo tốt gtrong lĩnh vực pháp luật. Bất kỳ sự tuyển chọn Thẩm phán nào cũng phải bảo đảm hợp pháp và không có sự phân biệt chủng tộc, màu da, dân tộc, tín ngưỡng, thành phần xã hội, tài sản…;

            Nhiệm kỳ Thẩm phán, việc bảo đảm độc lập của Thẩm phán, an ninh, lương bổng, điều kiện làm việc, chế độ nghỉ hưu… cần phải được quy định trong pháp luật;

            Thẩm phán được bổ nhiệm hay bầu phải được bảo đảm các mặt suốt nhiệm kỳ công tác cho đến lúc nghỉ hưu hoặc hết thời hạn nhiệm kỳ;

            Thẩm phán có thể phải tạm nghỉ công việc hoặc bị nghỉ hẳn nếu như không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của người Thẩm phán hoặc đạo đức của Thẩm phán không xứng đáng với chức vụ của họ.

            Có thể nói các nguyên tắc nêu trên không hề xa lạ, thậm chí gần gũi, phù hợp với định hướng tổ chức, hoạt động tư pháp của chúng ta. Vì vậy trong điều kiện hội nhập, pháp luật của chúng ta cũng cần nghiên cứu và cụ thể hóa những nguyên tắc nêu trên trong các quy phạm pháp luật nhằm tang cường trách nhiệm và quyền hạn cho Thẩm phán theo tinh thần của cải cách tư pháp hiện nay.

Tác giả: **Tiến sĩ Phạm Minh Tuyên,**

*Nguồn: Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao*